TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển

2. Ông Đặng Thanh Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhựt Hồ là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 172/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Sa Tú A, sinh năm 1961; Địa chỉ: số H, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số D, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo uỷ quyền (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 07/7/2025) (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Nhờ E, sinh năm 1982 Đại chỉ: Số C, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D cùng trình

bày: Vào ngày 16/12/2017 âl, bà Sa Tú A có cho chị Nguyễn Thị N Em vay số tiền là 18.000.000 đồng và hẹn khi nào bà Sa Tú A cần tiền thì chị Nhờ E sẽ trả lại cho bà Sa Tú A, nhưng khi bà Sa Tú A cần tiền thì chị N Em không trả lại cho bà A. Bà A đã nhiều lần yêu cầu chị N Em trả tiền nhưng đến nay chị N Em chưa trả cho bà A khoản tiền trên.

Nay bà Sa Tú A yêu cầu chị Nguyễn Thị N Em trả số tiền còn nợ là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2025 và ngày 05/9/2025 bị đơn là chị Nguyễn Thị N Em trình bày: Vào khoảng năm 2017 chị N Em có vay tiền góp của bà Sa Tú A số tiền 15.000.000 đồng và có ký biên nhận nợ ngày 16/12/2017. Thỏa thuận mỗi ngày chị N Em phải trả góp cho bà A số tiền là 600.000đồng, trả góp trong vòng 30 ngày thì chấm dứt nợ. Sau khi nhận tiền chị Nhờ E đã trả góp đủ 30 ngày với tổng số tiền là 18.000.000đ nhưng không lấy lại biên nhận nợ nên hiện nay chị N Em không còn nợ bà A số tiền nào nữa do đó yêu cầu của bà Anh chị N1 Em không đồng ý. Đối với việc chị Nhờ E trình bày đã trả đủ tiền cho bà A thì chị Nhờ E cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sa Tú A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Sa Tú A khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị N Em trả tiền nợ đã vay là 18.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, nguyên đơn xác định không có tranh chấp gì khác. Do đó, xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật

dân sự và quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị N Em đang cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp, theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Nhờ E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N Em theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Sa Tú A yêu cầu chị Nguyễn Thị N Em trả lại vốn vay là 18.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Sa Tú A có cung cấp biên nhận nợ ngày 16/12/2017 âl có chữ ký tên của chị Nguyễn Thị N Em. Chị Nhờ E thừa nhận chữ ký "Em" và chữ viết tên "nhờ Em" là do chị N Em ký và viết ra, nên xác định giao dịch dân sự vay tài sản giữa bà A với chị N Em là có thật.

Chị Nhờ E cho rằng sau khi nhận tiền chị Nhờ E đã trả góp đủ trong 30 ngày, mỗi ngày trả góp cho bà A 600.000 đồng với tổng số tiền là 18.000.000đồng nên hiện nay chị N Em không còn nợ bà A (ngày 05/9/2025 Toà án đã tống đạt cho chị N Em nhận thông báo số 98/TB-TA về việc yêu cầu chị N Em cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh là chị Nhờ E đã trả đủ số tiền trên cho bà Tú A như chị Nhờ E đã trình bày nhưng đến nay đã hết thời hạn để cung cấp tài liệu chứng cứ theo thông báo nêu trên nhưng chị Nhờ E không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình). Do đây chỉ là lời trình bày của chị Nhờ E và chị Nhờ E cũng xác định là không có giấy tờ gì chứng minh việc đã trả đủ 18.000.000đồng và cũng không ai biết và thấy việc chị N Em trả tiền cho bà A. Hơn nữa, lời trình bày của chị Nhờ E cũng không được bà A thừa nhận và bà A vẫn xác định chị N Em còn nợ 18.000.000đ theo biên nhận ngày 16/12/2017âl.

Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định."

"Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác."

Như vậy giữa bà Sa Tú A với chị Nguyễn Thị Nhờ E đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản nên làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa bên cho vay, bên vay theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 469 của Bộ luật dân sự. Do chị Nhờ E đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho bà Sa Tú A.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sa Tú A, buộc chị Nguyễn Thị N Em có nghĩa vụ trả cho bà Sa Tú A số tiền còn nợ 18.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N Em bị buộc nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sa Tú A đối với chị Nguyễn Thị Nhờ E.

2. Buộc chị Nguyễn Thị N Em có nghĩa vụ trả cho bà Sa Tú A số tiền còn nợ tổng cộng là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) là chấm dứt nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N Em phải nộp 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV 7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Huỳnh Văn Nhựt Minh